

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2022/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ an sinh xã hội và hỗ trợ mức đóng
bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang,
giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày
13 tháng 6 năm 2014;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của
Luật Bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ
an sinh xã hội và hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên
địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban
Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ an sinh xã hội và hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với chính sách hỗ trợ an sinh xã hội:

a) Các hộ nghèo, cận nghèo có thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hàng tháng;

b) Trẻ em là nạn nhân bị xâm hại tình dục, bị bạo lực, bị ngược đãi, tai nạn thương tích;

c) Trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em là dân tộc thiểu số, trẻ em đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội mắc bệnh hiểm nghèo, mắc bệnh tim bẩm sinh;

d) Người bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, bị mất cấp, lỗ đường trên địa bàn tỉnh không còn tiền để về nhà.

2. Cộng tác viên công tác xã hội tại các xã, phường, thị trấn.

3. Đối với chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế:

a) Người thuộc hộ gia đình nghèo mới thoát nghèo;

b) Người trong độ tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi, học sinh, sinh viên, người có bệnh mãn tính thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình;

c) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thuộc khu vực được công nhận là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020, nhưng hiện nay không còn được công nhận theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội và bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ an sinh xã hội và mức phụ cấp cho cộng tác viên công tác xã hội (đính kèm Phụ lục I)

Điều 4. Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế (đính kèm Phụ lục II)

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

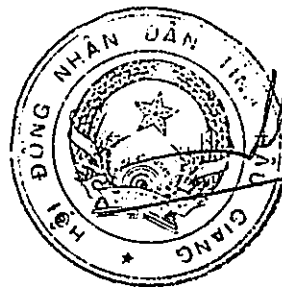
Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2022. *me*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN, TP. HCM);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *me*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền



Phụ lục I

QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ AN SINH XÃ HỘI VÀ MỨC PHỤ CẤP CHO CÔNG TÁC VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

*(Kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên người có công với cách mạng, đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, mức hỗ trợ tăng thêm: 500.000 đồng/hộ/tháng. Thời gian hỗ trợ từ tháng 8 năm 2022 đến hết tháng 12 năm 2025.

2. Trẻ em là nạn nhân bị xâm hại tình dục dẫn đến bị tổn thương, mức hỗ trợ đột xuất: 3.000.000 đồng/trường hợp.

3. Trẻ em là nạn nhân bị bạo lực, bị ngược đãi, tai nạn thương tích phải nằm điều trị tại cơ sở y tế tuyến huyện trở lên, mức hỗ trợ đột xuất: 3.000.000 đồng/trường hợp.

4. Trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em là dân tộc thiểu số, trẻ em đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội mắc bệnh hiểm nghèo, mắc bệnh tim bẩm sinh mà chi phí điều trị vượt quá khả năng chi trả, điều kiện kinh tế của gia đình, phải điều trị dài ngày hoặc điều trị nhiều lần trong năm tại các cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên, mức hỗ trợ đột xuất để khám chẩn đoán xác định, phẫu thuật, điều trị tối đa không quá 10.000.000 đồng/trường hợp và hỗ trợ 01 lần/trường hợp/năm (Không tính phần chi phí của bảo hiểm y tế thanh toán).

5. Người bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, bị mất cấp, lỡ đường trên địa bàn tỉnh không còn tiền để về nhà, mức hỗ trợ đột xuất một lần: 500.000 đồng/trường hợp.

6. Mỗi đơn vị xã, phường, thị trấn bố trí 01 (một) công tác viên công tác xã hội, mức phụ cấp hàng tháng bằng một lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định. Thời gian hỗ trợ từ tháng 8 năm 2022 đến hết tháng 12 năm 2025.

Thời gian thực hiện hỗ trợ các đối tượng tại mục 2, 3, 4, 5 Phụ lục này từ ngày 15 tháng 7 năm 2022./.



Phụ lục II

QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ MỨC ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

1. Hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế cho người mới thoát nghèo, thời gian hỗ trợ là 12 tháng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023). Trường hợp đã thoát nghèo nhưng được công nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình vẫn được hưởng chính sách này ngoài mức hỗ trợ 30% từ ngân sách Trung ương theo quy định của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Phương thức đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 9 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế cho người trong độ tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, (ngoài mức hỗ trợ 30% từ ngân sách Trung ương theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP). Thời gian hỗ trợ từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Phương thức đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.

3. Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng là sinh viên, học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, người có bệnh mãn tính thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình. Thời gian hỗ trợ từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mức hỗ trợ theo lộ trình giảm dần như sau: hỗ trợ 20% trong 5 tháng cuối năm 2022, hỗ trợ 15% trong năm 2023, hỗ trợ 10% trong năm 2024 và hỗ trợ 05% trong năm 2025 (ngoài mức hỗ trợ 30% từ ngân sách Trung ương theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP). Phương thức đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.

4. Hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thuộc khu vực được công nhận là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai

đoạn 2016 - 2020, nhưng hiện nay không còn được công nhận theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trừ các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo khoản 3 phụ lục này. Thời gian hỗ trợ 5 tháng (từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022). Phương thức đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP./.